

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L.T
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HS-ST

Ngày 28 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L.T, TỈNH VĨNH PHÚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và ông Nguyễn Tiến Sửu.

-Thư ký phiên toà: Bà Khương Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

V.V.Đ, sinh ngày 21/01/1981; nơi sinh và cư trú: Thôn T.L, xã Đ.S, huyện N.T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông V.V.C (đã chết) và bà T.T.N, sinh năm 1952; vợ: Chưa có; con: có 01 con sinh năm 2020; tiền án: tiền sự: Không;

Nhân Thân:

+ Tại Quyết định số 1064 ngày 12/7/1996 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Hà đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 24 tháng.

+Tại bản án số 07/HS/ST ngày 21/7/2000, Tòa án nhân dân huyện T.D, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, án phí và bồi thường dân sự).

+Tại bản án số 16/HSST ngày 19/9/2002, Tòa án nhân dân huyện N.T, tỉnh N.Đ xử phạt 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, án phí và bồi thường dân sự).

+Tại bản án số 04/2007/HSST ngày 07/02/2007, Tòa án nhân dân huyện N.T, tỉnh N.Đ xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2

Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí).

+Tại bản án số 42/2011/HSPT ngày 14/4/2011, Tòa án nhân dân tỉnh N.Đ xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản theo điểm c, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/10/2018 và đã chấp hành xong án phí ngày 04/5/2012). Đã được xóa án tích.

Tại bản án số 135/2022/HS-ST ngày 08/7/2022 Tòa án nhân dân thành phố N.Đ, tỉnh Nam Định xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N.Đ trong một vụ án khác tại tỉnh N.Đ (có mặt tại phiên tòa).

- *Những người bị hại:*

1, Anh N.V.M, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B.T, xã Q.S, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2, Ông V.V.L, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C.T, xã Q.S, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị H.T.N, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

-*Những người làm chứng:*

+ Anh V.V.N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C.T, xã Q.S, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Ông D.K.Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H.H, xã N.L, huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 10/4/2022, V.V.Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70B1-619.01 đi từ xã N.L, huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang đi theo hướng huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày khi đi đến xã Q.S, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc, Đ đi vào quán bán hàng ăn của anh N.V.M, sinh năm 1992 ở thôn B.T, xã Q.S, huyện L.T. Lúc này trong quán chỉ có anh M đang nằm ngủ ở giường, quay mặt vào trong, Đ quan sát thấy ở đầu giường có để chiếc điện thoại di động loại Iphone 8 Plus màu đen nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đ đi đến lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần rồi ra xe máy, Đ tiếp tục điều khiển xe máy đi đến cửa hàng tạp hóa của ông V.V.L, sinh năm 1965 ở Thôn C.T, xã Q.S, huyện L.T. Thấy trong quán không có ai Đ quan sát thấy trong tủ kính có 01 hộp sắt hình tròn màu tím, Đ nghĩ bên trong có tiền nên dùng tay nhấc chiếc hộp xuống nền nhà giáp chân tủ kính mục đích trộm cắp số tiền bên

trong. Đúng lúc này anh V.V.N con trai ông L phát hiện bắt giữ và báo cơ quan Công an, kiểm tra bên trong hộp sắt có 1.200.000 đồng.

Nhận được tin báo cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L.T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại Iphone 8Plus là tài sản Đ lấy của anh N.V.M; số tiền 1.200.000 đồng là tài sản Đ lấy của ông V.V.L; 01 xe mô tô biển kiểm soát 70B1-619.01 mang tên H.T.N; 07 chiếc điện thoại di động cũ và số tiền 1.315.000 đồng của V.V.Đ.

Tại kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 11/4/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L.T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen đã qua sử dụng trị giá 6.690.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra V.V.Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả cho anh N.V.M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus; trả cho ông V.V.L 1.200.000 đồng. Nhận lại tài sản anh N.V.M và ông V.V.L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 70B1- 619.01, Đ sử dụng làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định là tài sản của chị H.T.N, sinh năm 1992, trú tại thị trấn T.B, huyện T.B, tỉnh Tây Ninh là bạn Đ cho Đ mượn làm phương tiện đi lại, chị N không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra trả lại cho chị H.T.N.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 24/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T truy tố V.V.Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo 07 điện thoại di động cũ không sử dụng được và 1.315.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Xác nhận cơ quan điều tra đã trả điện thoại cho anh N.V.M, trả tiền cho ông V.V.L, trả xe mô tô cho chị H.T.N.

Tại phiên tòa bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận toàn bộ hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L.T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/4/2022, V.V.Đ đã thực hiện trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus của anh N.V.M ở thôn B.T, xã Q.S huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc tài sản trị giá 6.690.000 đồng, sau đó Đ tiếp tục trộm cắp của ông V.V.L số tiền 1.200.000 đồng. Tổng tài sản Đ trộm cắp là 7.890.000 đồng.

Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với vật chứng của vụ án, phù hợp lời khai của những người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo V.V.Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 10/4/2022 tại quán bán hàng ăn của anh N.V.M, ở thôn B.T, xã Q.S, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc và hành vi trộm cắp 1.200.000 đồng vào hồi 14 giờ ngày 10/4/2022 tại cửa hàng tạp hóa của ông V.V.L ở Thôn C.T, xã Q.S, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đối chiếu với Bộ luật Hình sự năm 2015, V.V.Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng,... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo V.V.Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là người có nhân thân xấu khi chưa đủ 18 tuổi bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Hà đưa vào trường giáo dưỡng, từ năm 2000 đến năm 2011 bốn lần bị Tòa án xử phạt tù về các tội Trộm cắp tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Cướp tài sản. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội

lần này ngày 29/3/2022 bị cáo đã bị Công an thành phố N.Đ, tỉnh Nam Định khởi tố bị can về hành vi Trộm cắp tài sản, ngày 08/7/2022 Tòa án nhân dân thành phố N.Đ, tỉnh Nam Định xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo là người phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Lẽ ra phải phạt bị cáo mức án cao, xong xét thấy, ở cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ có mẹ là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng thể hiện nhân thân của bị cáo là rất xấu. Do vậy Hội đồng xét xử chỉ xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo còn nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, có như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự còn quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp của anh N.V.M và ông V.V.L, cơ quan điều tra đã thu và trả cho anh N.V.M là chủ sở hữu: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus; trả cho ông V.V.L 1.200.000 đồng. Nhận lại tài sản anh N.V.M và ông V.V.L không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 70B1-619.01, Đ sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra xác định là tài sản của chị H.T.N. Chị N cho Đ mượn làm phương tiện đi lại, chị N không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại cho chị N là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo V.V.Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo V.V.Đ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho V.V.Đ: 07 điện thoại di động đã cũ không sử dụng được và 1.315.000 đồng (Một triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ tiền để đảm bảo thi hành án (Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa Công an huyện L.T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.T).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo V.V.Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.T;
- Công an huyện L.T;
- UBND xã Đồng Sơn-Nam Trục- Nam Định;
- Bị cáo;
- Người bị hại, người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh

